

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/KDTM-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và bà Phan Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-KDTM ngày 15/5/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐST-KDTM ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: B L, phường T, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh N1, tỉnh Phú Yên là đại diện theo giấy ủy quyền số 2665/QĐ-NHN0-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc. Địa chỉ: 3 N, phường P, Tp T, Phú Yên.

Ông H ủy quyền lại cho ông Cao Tấn T, chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – chi nhánh N1 thành phố T, tỉnh Phú Yên theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2024. Có mặt

- Bị đơn: Ông Đoàn Quốc A, sinh năm 1984; Địa chỉ: 2 N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Bà Dương Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1984; Địa chỉ: 2 D, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N, ông Cao Tấn T trình bày: Ngày 21/12/2022 giữa Ngân hàng N – chi nhánh N1 thành phố T, tỉnh Phú Yên (gọi tắt Ngân hàng) và ông A, bà T1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201718 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 4607-LDS ngày 30/5/2023, Ngân hàng cho ông A và bà T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay vốn: kinh doanh dịch vụ ăn uống. Lãi suất cho vay theo từng thời điểm nhận nợ ngày 30/5/2023 là 9.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201718, thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ là theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ là 06 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 29/11/2023.

Đề đảm bảo khoản vay này, ông A và bà T1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 127727, thửa đất số 209, tờ bản đồ số D5-I-B-b (đo đạc năm 1996) tọa lạc tại B P, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 05/7/2017 cập nhật biến động ngày 20/9/2022, ngày 26/9/2022; số vào sổ cấp GCN là 00686 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CI127727/HĐTC ngày 20/12/2022.

Sau khi vay, ông A và bà T1 đã trả cho Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 26/4/2024, từ đó cho tới nay ông A và bà T1 đã không trả thêm tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng như đã cam kết. Nhiều lần Ngân hàng nhắc nhở, yêu cầu ông A và bà T1 trả nợ nhưng vẫn không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông A và bà T1 phải trả số tiền nợ tính đến ngày 23/9/2024 là 1.724.990.684 đồng trong đó nợ gốc 1.480.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 187.402.465 đồng, nợ lãi quá hạn 57.588.219 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu ông A và bà T1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 317, 318, 319, 320, 323, 326, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông A và bà T1 phải trả tiền nợ tính đến ngày 23/9/2024 là 1.724.990.684 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông A, bà T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201718 ngày 21/12/2022 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 4607-LDS ngày 30/5/2023 thì Ngân hàng N có cho ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích sử dụng: kinh doanh dịch vụ ăn uống, lãi suất cho vay theo từng thời điểm nhận nợ ngày 30/5/2023 là 9.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201718, thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ là theo từng báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ là 06 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 29/11/2023, kỳ hạn trả lãi là 01 tháng 01 lần vào ngày 30.

Sau khi vay, ngày 26/4/2024 ông A và bà T1 đã trả tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, từ đó cho đến nay ông A và bà T1 không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tính đến ngày 23/9/2024 là 1.724.990.684 đồng trong đó nợ gốc 1.480.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 187.402.465 đồng, nợ lãi quá hạn 57.588.219 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CI127727/HĐTC ngày 20/12/2022, ông A và bà T1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 127727, thửa đất số 209, tờ bản đồ số D5-I-B-b (đo đạc năm 1996) tọa lạc tại B P, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 05/7/2017 cập nhật biến động ngày 20/9/2022, ngày 26/9/2022; sổ vào sổ cấp GCN là 00686. Vì đây là tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201718 ngày 21/12/2022 của ông A và bà T1 tại Ngân hàng N. Do đó, trường hợp bị đơn ông A và bà T1 không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông A, bà T1 phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm

ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng nên bị đơn ông A, bà T1 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn ông A, bà T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 317, 323, 325 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng cộng số tiền tính đến ngày 23/9/2024 là 1.724.990.684 đồng (*một tỷ bảy trăm hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng*) trong đó nợ gốc 1.480.000.000 đồng (*một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 187.402.465 đồng (*một trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng*), nợ lãi quá hạn 57.588.219 đồng (*năm mươi bảy triệu năm trăm tám mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2024), bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 không trả nợ hoặc trả không đúng và đủ như đã cam kết thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 127727, thửa đất số 209, tờ bản đồ số D5-I-B-b (đo đạc năm 1996) tọa lạc tại B P, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 05/7/2017 cập nhật biến động ngày 20/9/2022, ngày 26/9/2022; số vào sổ cấp GCN là 00686 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CI127727/HĐTC ngày 20/12/2022 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 trả nợ xong cho nguyên đơn Ngân hàng N thì nguyên đơn Ngân hàng N phải trả lại bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số CI127727/HĐTC ngày 20/12/2022 mà hai bên đã ký kết.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Do nguyên đơn Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) nên bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Về án phí : Bị đơn ông Đoàn Quốc A và bà Dương Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 63.749.720 đồng (*sáu mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 30.868.900 đồng (*ba mươi triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002516 ngày 13/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp . T;
- Chi cục THADS Tp . T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang